

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KỲ 1
NĂM HỌC 2023 – 2024
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN – KHỐI 7

1) Nội dung kiểm tra:

- Chủ đề mở đầu
- Chủ đề 1: Nguyên tử - Nguyên tố hóa học – Sơ lược bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.
- Chủ đề 2: Phân tử.
- Chủ đề 3: Tốc độ
- Chủ đề 4: Âm thanh gồm bài 12 “Mô tả sóng âm” và bài 13 “Độ to và độ cao của âm”.

2) Thời gian làm bài: 60 phút

3) Hình thức kiểm tra:

- Phần trắc nghiệm: 6,0 điểm (gồm 24 câu, mỗi câu 0,25 điểm).
- Phần tự luận: 4,0 điểm.

A – TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Phương pháp tìm hiểu tự nhiên được thực hiện qua các bước:

- | | |
|---------------------------------------|---|
| (1) Hình thành giả thuyết; | (2) Rút ra kết luận; |
| (3) Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết; | (4) Quan sát và đặt câu hỏi nghiên cứu; |
| (5) Thực hiện kế hoạch. | |

Em hãy sắp xếp các bước trên cho đúng thứ tự của phương pháp tìm hiểu tự nhiên.

- | | |
|-----------------------------|-----------------------------|
| A. (1); (2); (3); (4); (5). | C. (5); (4); (3); (2); (1). |
| B. (4); (1); (3); (5); (2). | D. (3); (4); (1); (5); (2). |

Câu 2: Kỹ năng quan sát và kỹ năng phân loại thường **không** được sử dụng ở bước nào trong phương pháp tìm hiểu tự nhiên?

- | | |
|---------------------------------------|-------------------------------------|
| A. Quan sát và đặt câu hỏi nghiên cứu | C. Lập kế hoạch kiểm tra giả thuyết |
| B. Hình thành giả thuyết | D. Thực hiện kế hoạch. |

Câu 3: Khi nghiên cứu vấn đề “Nhiệt độ cần thiết để cây đậu phát triển nhanh nhất”, biến số nào sau đây cần đo?

- | | |
|------------------------------------|-------------------------------------|
| A. Độ ẩm của không khí | C. Số lượng hạt đậu đem trồng |
| B. Lượng nước tưới cho mỗi cây đậu | D. Nhiệt độ duy trì cho mỗi hạt đậu |

Câu 4: Theo Rutherford-Bohr, trong nguyên tử các electron ở lớp vỏ được xếp ... (1) ... và chuyển động ... (2) ... Thứ tự từ cần điền vào vị trí (1) và (2) là

- | | |
|---------------------------|---|
| A. có trật tự - hỗn loạn | C. thành từng lớp – xung quanh hạt nhân |
| B. theo nhóm – có trật tự | D. thành từng lớp – hỗn loạn |

Câu 5: Khối lượng của các hạt dưới nguyên tử (proton, neutron) được đo bằng đơn vị

- | | | | |
|--------|-------|--------|-------|
| A. gam | B. ml | C. amu | D. kg |
|--------|-------|--------|-------|

Câu 6: Nguyên tử carbon có 6 proton và 6 neutron. Khối lượng gần đúng của nguyên tử carbon là

- | | | | |
|-----------|-----------|----------|-----------|
| A. 11 amu | B. 12 amu | C. 6 amu | D. 24 amu |
|-----------|-----------|----------|-----------|

Câu 7: Nguyên tử Lithium có 3p trong hạt nhân, điện tích hạt nhân của Lithium

- A. 0 B. +3 C. -3 D. 3

Câu 8: Cấu tạo hạt nhân của nguyên tử gồm những loại hạt nào?

- A. electron và neutron. C. neutron và proton.
B. proton và electron D. electron, proton và neutron

Câu 9: Nguyên tử Y có 8 proton. Số hạt electron của Y là:

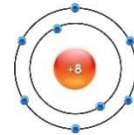
- A. 8 B. 4 C. 24 D. 16

Câu 10: Nguyên tử X có 16 proton, số electron ở lớp ngoài cùng là:

- A. 1 B. 6 C. 7 D. 4

Câu 11: Cho sơ đồ nguyên tử Oxygen như sau: Số đơn vị điện tích hạt nhân của nguyên tử Oxygen hình bên là

- A. +8 B. 8 C. 6 D. 2



Câu 12: Nguyên tố **Aluminium** kí hiệu là gì:

- A. Al B. Fe C. Ar D. Ag

Câu 13: Nguyên tố hóa học là tập hợp nguyên tử ...(1)... có cùng số ..(2).... Thứ tự từ cần điền vào (1) và (2)

- A. Cùng loại – số electron C. Cùng loại – số proton
B. Cùng loại – số neutron D. Khác loại – số proton

Câu 14: Phát biểu nào sau đây là **đúng** ?

- A. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có cùng số electron ở lớp vỏ
B. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có số proton và số electron bằng nhau
C. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có cùng số proton ở hạt nhân.
D. Nguyên tố hóa học là tập hợp những nguyên tử có cùng số lớp electron

Câu 15: Tên của nguyên tố có kí hiệu hóa học B được viết như thế nào?

- A. Boron B. Carbon C. Neon D. Beryllium

Câu 16: Cho biết tên nguyên tố hóa học có kí hiệu hóa học N

- A. Magnesium B. Nitrogen C. Sodium D. Calcium

Câu 17: Kí hiệu hóa học của nguyên tố Potassium là:

- A. Ca B. K C. P D. S

Câu 18: Nguyên tố hóa học nào giúp ngăn ngừa bệnh bướu cổ ở con người?

- A. Oxygen B. Chlorine C. Iodine D. Phosphorus

Câu 19: Nguyên tố nào được sử dụng trong thuốc tẩy gia dụng?

- A. Iodine B. Bromine. C. Chlorine D. Fluorine

Câu 20: Trong bảng tuần hoàn, nguyên tử A có số hiệu nguyên tử 20. Viết tên và kí hiệu hóa học của nguyên tố A

- A. Potassium – K C. Aluminium – Al
B. Calcium – Ca D. Phosphorus – P

Câu 21: Các nguyên tố trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học được sắp xếp theo thứ tự tăng dần của:

- A. khối lượng B. số neutron C. tỉ trọng. D. số proton

Câu 22: Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học có bao nhiêu chu kì nhỏ và bao nhiêu chu kì lớn?

- A. 1 và 6 B. 2 và 5 C. 3 và 4 D. Tất cả đều sai

Câu 23: Số thứ tự chu kì trong bảng hệ thống tuần hoàn cho biết:

- A. Số thứ tự của nguyên tố. C. Số electron lớp ngoài cùng
B. Số hiệu nguyên tử D. Số lớp electron

Câu 24: Nguyên tử của nguyên tố X có 2 lớp electron, lớp electron ngoài cùng có 3 electron. Vị trí của nguyên tố X là:

- A. thuộc chu kỳ 3, nhóm VIA C. thuộc chu kỳ 3, nhóm IIIA
B. thuộc chu kỳ 2, nhóm IIIA D. thuộc chu kỳ 2, nhóm VIA

Câu 25: Nguyên tử của nguyên tố X có 3 lớp electron, lớp electron ngoài cùng có 2 electron. Vị trí của nguyên tố X là

- A. Thuộc chu kỳ 3, nhóm VIA C. Thuộc chu kỳ 2, nhóm IIIA
B. Thuộc chu kỳ 3, nhóm IIA D. Thuộc chu kỳ 2, nhóm VIA

Câu 26: Nguyên tố X có số hiệu nguyên tử là 20, chu kỳ 4, nhóm IIA trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Phát biểu nào sau đây đúng:

- A. Điện tích hạt nhân là 20+, 4 lớp electron, lớp ngoài cùng có 2 electron
B. Điện tích hạt nhân là 20+, 1 lớp electron, lớp ngoài cùng có 3 electron
C. Điện tích hạt nhân là 20+, 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron
D. Điện tích hạt nhân là 20+, 2 lớp electron, lớp ngoài cùng có 3 electron

Câu 27: Biết cấu tạo của nguyên tử R có 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 5 electron. Dựa vào bảng tuần hoàn hóa học thì nguyên tố R là:

- A. Chlorine B. Phosphorus C. Oxygen D. Nitrogen

Câu 28: Chất nào dưới đây là hợp chất?

- A. N_2 B. Al C. O_2 D. SO_2

Câu 29: Các chất là hợp chất gồm

- A. NO_2 ; Al_2O_3 ; N_2 C. CaO , MgO , H_2SO_4
B. $HgSO_4$, Cl_2 , ZnO D. H_2O , Ag, NO

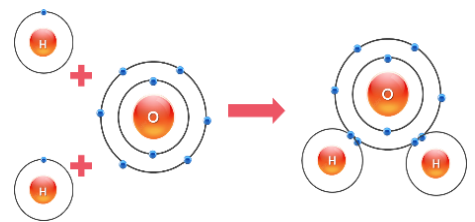
Câu 30: Hợp chất XO_2 có khối lượng phân tử là 80 amu. Vậy XO_3 là hợp chất nào dưới đây?

- A. SO_3 B. CO_3 C. Al_2O_3 D. Fe_2O_3

Câu 31:

Hình bên mô tả sự hình thành liên kết trong phân tử H_2O , đáp án nào diễn đạt đúng như hình?

- A. Liên kết cộng hóa trị, nguyên tử O góp chung 2 electron
B. Liên kết ion, nguyên tử O nhường 2 electron
C. Liên kết cộng hóa trị, nguyên tử O nhường 2 electron
D. Liên kết ion, nguyên tử O góp chung 2 electron



Câu 32: Phân tử nào sau đây được tạo thành từ liên kết ion?

- A. $MgCl_2$ B. H_2 C. CH_4 D. H_2O

Câu 33: Phân tử nào sau đây được tạo thành từ liên kết ion?

- A. O_2 B. NH_3 C. **NaCl** D. H_2S

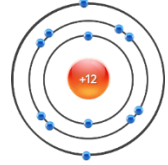
Câu 34: Trong hợp chất cộng hóa trị, hóa trị là con số biểu thị(?)... của nguyên tử nguyên tố đó với nguyên tử khác trong phân tử

- A. Khả năng liên kết C. Khả năng phản ứng
B. Khả năng nhường/nhận electron D. Khả năng kết hợp

Câu 35: Nguyên tử của các nguyên tố có xu hướng tham gia liên kết hóa học để đạt được lớp electron ngoài cùng giống...

- A. Kim loại B. Phi kim C. Khí hiếm D. Đơn chất

Câu 36: Cho mô hình sắp xếp các electron trong vỏ nguyên tử **Mg** (Magnesium). Khi tham gia hình thành liên kết ion, nguyên tử Magnesium có xu hướng nhường đi 2 electron để tạo thành ion nào dưới đây?

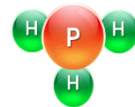


- A. Mg^+ B. Mg^{2-} C. Mg^{2+} D. Mg

Câu 37: Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Liên kết ion được hình thành bởi lực hút giữa các ion mang điện tích trái dấu.
 B. Liên kết cộng hóa trị được tạo nên do sự dùng chung một hay nhiều electron.
 C. Nguyên tử khí hiếm có lớp electron ngoài cùng bền vững (8 electron).
 D. Khi tham gia liên kết hóa học, các nguyên tử đạt được lớp electron ngoài cùng là 6

Câu 38: Cho hình mô phỏng phân tử phosphine: Hóa trị của nguyên tố phosphorus trong phân tử phosphine



- A. I B. II C. III D. IV

Câu 39: Phân tử ethane gồm 2 nguyên tử carbon liên kết với 4 nguyên tử hydrogen. Công thức hóa học của phân tử **ethane** là:

- A. CH B. C_2H_2 C. C_2H_4 D. C_4H_2

Câu 40: Fe có hóa trị III trong công thức nào?

- A. FeO B. FeO C. $FeSO_4$ D. $FeCl_3$

Câu 41: Phân tử khí Chlorine chứa hai nguyên tử Chlorine. Công thức hoá học của khí Chlorine là:

- A. Cl B. $2Cl$ C. Cl^2 D. Cl_2

Câu 42: Độ lớn của tốc độ có thể cung cấp cho ta thông tin gì về chuyển động của vật?

- A. Cho biết hướng chuyển động của vật.
 B. Cho biết nguyên nhân vì sao vật lại chuyển động được.
 C. Cho biết vật chuyển động theo quỹ đạo nào.
 D. Cho biết vật chuyển động nhanh hay chậm

Câu 43: Tốc độ của vật là:

- A. thời gian vật đi hết quãng đường 1 mét.
 B. quãng đường vật đi được
 C. thời gian vật đi hết quãng đường
 D. quãng đường vật đi được trong một đơn vị thời gian

Câu 44: Tốc độ trung bình của con ốc sên là 0,0015m/s. Con số này có ý nghĩa là

- A. ốc sên đi được quãng đường 1 mét mất 0,0015 giây.
 B. trong 1 giây ốc sên đi được quãng đường là 0,0015 mét.
 C. trong 1 giờ ốc sên đi được quãng đường là 0,0015 mét.
 D. ốc sên đi được quãng đường 1 mét mất 0,0015 giờ.

Câu 45: Gọi s là quãng đường đi được, t là thời gian đi hết quãng đường đó, v là tốc độ chuyển động. Công thức tính tốc độ là:

- A. $v = \frac{m}{s}$ B. $v = s.t$ C. $v = \frac{s}{t}$ D. $v = \frac{t}{s}$

Câu 46: Một đoàn tàu hỏa đi từ ga A đến ga B cách nhau 75 km trong 1,5 giờ. Tốc độ của đoàn tàu là:

- A. 75 km/h B. 50 km/h C. 150 km/h D. 15 km/h

Câu 47: Tốc độ của một vật là 10m/s. Tính tốc độ của vật trên theo đơn vị km/h?

- A. 54 km/h B. 48 km/h C. 60 km/h D. 36 km/h

Câu 48: Bạn Hồng đi xe đạp từ nhà đến trường. Ban đầu Hồng đi với tốc độ 12 km/h trong thời gian 8 phút. Sau đó tiếp tục đi với tốc độ 8 km/h thêm 9 phút nữa thì tới trường. Tính khoảng cách từ nhà Hồng tới trường?

- A. 1,6 km/h B. 1,2 km/h C. 2,8 km/h D. 2,83 km/h

Câu 49: “Vua tốc độ” Marcell Jacobs của Olympic Tokyo 2020 đã đạt thành tích 9,80 giây ở nội dung chạy 100 m nam môn điền kinh. Trên đường đua này tốc độ của Marcell Jacobs là:

- A. 10,62 km/h B. 9,8 km/h C. 9,8 m/s D. 10,2 m/s

Câu 50. Hãy sắp xếp các thao tác theo thứ tự đúng khi sử dụng đồng hồ bấm giây đo thời gian.

- (1) Nhấn nút RESET để đưa đồng hồ bấm giây về số 0 (3) Nhấn nút START để bắt đầu đo thời gian
(2) Nhấn nút STOP khi kết thúc đo

Thứ tự đúng của các bước là:

- A. (1), (2), (3). B. (3), (1), (2) C. (1), (3), (2) D. (3), (2), (1).

Câu 51: Trong thí nghiệm đo tốc độ bằng đồng hồ đo thời gian hiện số dùng cổng quang điện thì ta cần sử dụng số cổng quang điện là

- A. 1 cổng B. 2 cổng C. 3 cổng D. 4 cổng

Câu 52: Dụng cụ dưới đây có tên gọi là gì?

- A. Cổng quang điện và đồng hồ hiện số C. đồng hồ hiện số
B. Cổng quang điện D. Súng bắn tốc độ



Hình 5. Thí nghiệm đo thời gian chuyển động của xe giữa hai vị trí

Câu 53: Khi đo tốc độ của một vật sử dụng đồng hồ đo thời gian hiện số dùng cổng quang điện thì ta phải chỉnh đồng hồ về chế độ nào sau đây?

- A. Mode A B. Mode B C. Mode A $\leftrightarrow$ B D. Mode A+B

Câu 54. Muốn đo được tốc độ của một vật đi trên một quãng đường nào đó, ta phải đo

- A. Độ dài quãng đường mà vật đó phải đi
B. Độ dài quãng đường và thời gian vật đi hết quãng đường đó.
C. Thời gian mà vật đó đi hết quãng đường
D. Quãng đường và hướng chuyển động của vật

Câu 55: Camera trong thiết bị “bắn tốc độ” có công dụng gì?

- A. Chụp ảnh ô tô
B. Kiểm tra tốc độ của các phương tiện giao thông.
C. Chụp ảnh ô tô chuyển động quãng đường s giữa hai vạch mốc..
D. Ghi lại khoảng thời gian t ô tô chạy qua hai vạch mốc

Câu 56: Thiết bị “bắn tốc độ” đơn giản gồm:

- A. cổng quang điện 1 và cổng quang điện 2.
B. camera theo dõi xe chạy trên đường.
C. camera theo dõi xe chạy trên đường và máy tính nhỏ trong camera để tính tốc độ của xe.
D. máy tính nhỏ để tính tốc độ của xe

Câu 57: Thiết bị bắn tốc độ dùng để:

- A. Đo thời gian chuyển động của phương tiện giao thông.
B. Kiểm tra hành trình di chuyển của phương tiện giao thông.
C. Đo quãng đường chuyển động của phương tiện giao thông.
D. Kiểm tra tốc độ của phương tiện giao thông trên đường bộ

Câu 58: Khi âm thoa, mặt trống, dây đàn phát ra âm thanh thì chúng có đặc điểm gì giống nhau?

- A. Luôn có sự dao động
- B. Luôn đứng yên
- C. Luôn có sự ngắt quãng
- D. Tất cả đều đúng

Câu 59: Quan sát hình bên dưới và lựa chọn phát biểu đúng:

- A. Âm thanh không truyền được trong môi trường rắn.
- B. Âm thanh truyền được trong môi trường rắn.
- C. Âm thanh truyền được trong môi trường lỏng.
- D. Âm thanh truyền được trong môi trường lỏng và rắn.



▲ Hình 12.2. Thí nghiệm tìm hiểu sự truyền sóng âm trong: a) gỗ b) giấy

Câu 60: Quan sát hình bên dưới và lựa chọn phát biểu đúng

- A. Âm chỉ truyền được trong môi trường lỏng và không truyền được trong môi trường khí.
- B. Âm không truyền được môi trường lỏng và khí.
- C. Âm truyền được qua môi trường lỏng và khí.
- D. Âm truyền được môi trường chân không.



▲ Hình 12.3. Thí nghiệm tìm hiểu sự truyền sóng âm trong nước

Câu 61: Đơn vị của tần số là

- A. km/h
- B. Hertz (Hz)
- C. m/s
- D. amu

Câu 62: Thông thường, tai người chỉ nghe được âm có tần số trong khoảng nào?

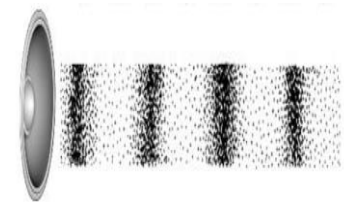
- A. từ 20 Hz đến 20000 Hz
- B. dưới 20 Hz
- C. lớn hơn 20000 Hz
- D. 200 Hz đến 20000 Hz

Câu 63: Khi một người gảy đàn guitar, lúc này vật dao động phát ra âm là?

- A. Tay gảy dây đàn
- B. Tay bấm phím đàn
- C. Dây đàn
- D. Chốt chỉnh dây đàn

Câu 64: Quan sát hình ảnh và giải thích sự truyền sóng âm trong không khí được phát ra từ một cái loa, chọn phương án đúng nhất?

- A. Khi sóng âm phát ra từ một cái loa, màn loa dao động
- B. Dao động của màn loa làm lớp không khí tiếp xúc với nó dao động: nén, dãn
- C. Dao động của lớp không khí này làm cho lớp không khí kế tiếp dao động: dãn, nén, cứ thế xuất hiện các lớp không khí nén, dãn xen kẽ nhau
- D. Tất cả đều đúng

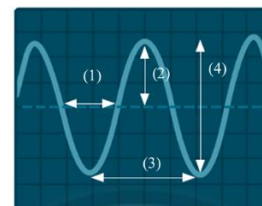


Câu 65: Khi bay một số côn trùng như ong, ruồi, muỗi, ... tạo ra những tiếng vo ve là vì:

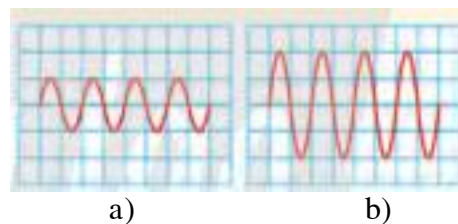
- A. Chúng vừa bay vừa kêu
- B. Chúng có bộ phận phát ra âm thanh đặc biệt
- C. Hơi thở của chúng mạnh đến mức phát ra âm thanh
- D. Những đôi cánh của chúng vỗ rất nhanh tạo ra dao động và phát ra âm thanh

Câu 66: Hình ảnh dưới đây là đồ thị dao động âm của một sóng âm trên màn hình dao động ký. Độ dài của đoạn nào mô tả biên độ âm:

- A. (1)
- B. (2)
- C. (3)
- D. (4)



Câu 67: Hình bên cho thấy đồ thị dao động âm trên màn hình dao động kí khi nguồn âm là một âm thoa được gõ nhẹ (a) và gõ mạnh (b). Kết luận nào sau đây đúng?



- A. Sóng âm (b) có biên độ dao động nhỏ hơn
- B. Sóng âm (a) có biên độ dao động nhỏ hơn
- C. Sóng âm (a) và (b) có cùng biên độ dao động
- D. Tất cả đều sai

Câu 68: Vật (X) dao động phát ra âm có tần số 67 Hz, vật (Y) dao động phát ra âm có tần số 82 Hz. Kết luận nào sau đây đúng?

- A. Vật (X) dao động nhanh hơn.
- B. Vật (Y) dao động nhanh hơn.
- C. 2 vật dao động bằng nhau.
- D. Tất cả đều sai

Câu 69: Khi điều chỉnh dây đàn thì tần số phát ra sẽ thay đổi. Dây đàn càng căng thì âm phát ra càng

- A. Bổng
- B. To
- C. Thấp
- D. Bé

Câu 70: Vật nào sau đây dao động với tần số lớn nhất?

- A. Trong một phút, con lắc thực hiện được 1500 dao động.
- B. Trong 5 giây, mặt trống thực hiện được 500 dao động.
- C. Trong 2 giây, dây đàn thực hiện được 400 dao động.
- D. Trong nửa phút, dây chun thực hiện được 1200 dao động

Câu 71: Khi thổi vào còi, chúng ta sẽ nghe được âm thanh phát ra. Âm thanh được tạo ra và truyền đến tai ta như thế nào?

- A. Khi ta thổi vào còi, cột không khí bên trong còi đứng yên, rồi lan truyền qua không khí và đến tai chúng ta, khi đến tai, âm thanh làm màng nhĩ dao động.
- B. Khi ta thổi vào còi, cột không khí bên trong còi dao động, sự dao động đó lan truyền qua không khí và đến tai chúng ta, khi đến tai, âm thanh làm màng nhĩ dao động.
- C. Khi ta thổi vào còi, còi dao động, sự dao động đó lan truyền trong chất rắn và đến tai chúng ta
- D. Khi ta thổi vào còi, còi dao động, sự dao động đó lan truyền trong chất rắn và khí rồi đến tai chúng ta, khi đến tai, âm thanh làm màng nhĩ dao động.



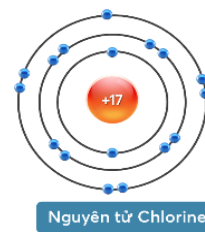
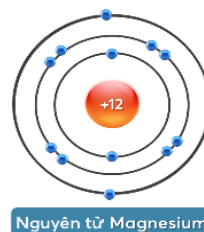
Câu 72: Điền từ thích hợp vào những chỗ trống: “Nguồn âm dao động càng ...(1)... thì biên độ âm càng ...(2)... và âm nghe được càng ...(3)...”

- A. (1) mạnh, (2) nhỏ, (3) to
- B. (1) yếu, (2) lớn, (3) nhỏ
- C. (1) mạnh, (2) lớn, (3) nhỏ
- D. (1) mạnh, (2) lớn, (3) to

B – TỰ LUẬN

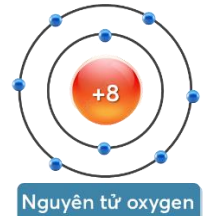
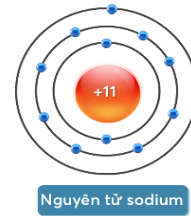
Câu 1: Quan sát mô hình nguyên tử bên cho biết:

- a. Nguyên tố magnesium và nguyên tố Chlorine này nằm ở vị trí nào (ô, nhóm, chu kì) trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học?
- b. Hãy nêu tính chất (kim loại/phi kim/ khí hiếm) của từng nguyên tố.
- c. Hãy lập công thức hóa học của hợp chất Magnesium chloride theo hóa trị.
- d. Tính khối lượng phân tử của hợp chất Magnesium chloride. Biết $Mg = 24$, $Cl = 35,5$.
- e. Tính phần trăm nguyên tố magnesium trong phân tử Magnesium chloride.



Câu 2: Quan sát mô hình nguyên tử bên cho biết:

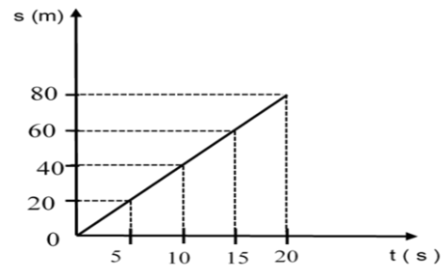
- Nguyên tố sodium và nguyên tố oxygen này nằm ở vị trí nào (ô, nhóm, chu kì) trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học?
- Hãy nêu tính chất (kim loại/phi kim/ khí hiếm) của từng nguyên tố.
- Hãy lập công thức hóa học của hợp chất Sodium oxide theo hóa trị.
- Tính khối lượng phân tử của hợp chất Sodium oxide. Biết $\text{Na} = 23$, $\text{O} = 16$.
- Tính phần trăm nguyên tố Oxygen trong phân tử Sodium oxide.



Câu 3:

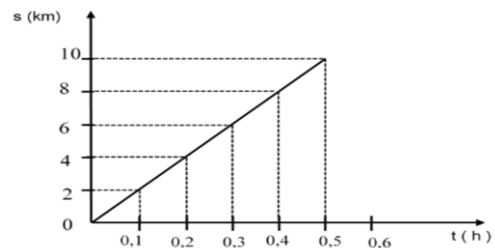
- Bạn Khang đi bộ đến thư viện lấy sách với tốc độ không đổi là $0,5 \text{ m/s}$. Biết quãng đường từ nhà đến thư viện là $0,7 \text{ km}$. Hỏi bạn A đi mất bao nhiêu lâu?
- Bạn Hà chạy từ đầu hành lang đến cuối hành lang dài 200 m mất 50 giây. Bạn Mai chạy một vòng quanh sân trường dài 300 m mất 100 giây. Hỏi bạn nào chạy với tốc độ nhanh nhất? Giải thích.
- Một ca nô chuyển động trên sông với tốc độ không đổi là 30 km/h trong thời gian 30 phút. Hỏi trong thời gian 30 phút, ca nô di chuyển đoạn đường dài bao nhiêu km ?

Câu 4: Cho đồ thị quãng đường - thời gian của một vật A chuyển động như hình bên. Em hãy xác định tốc độ chuyển động của vật.



Hình 1

Câu 5: $6 \text{ giờ } 30 \text{ phút}$, bạn An đi học từ nhà đến trường. Đồ thị quãng đường - thời gian của bạn An được biểu diễn như hình bên. Em hãy cho biết tốc độ di chuyển của bạn An từ nhà trường đến trường.



Hình 2

👉👉 CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT, BÀI KIỂM TRA ĐẠT KẾT QUẢ CAO 👉👉